TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/**2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2020
V/v: Ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Trần Thị Duyên Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Đức Quảng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Trình

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc: "*Ly hôn, con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22 /2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị T**, sinh năm 1997
Nơi ĐKNKTT: Xóm Khoang, xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: Xóm Đành, xã Yên Lãng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
(Chị Trang có đơn xin xét xử vắng mặt).
Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Bùi Đức Dũng** – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.
(Có mặt)

Bị đơn: Anh **Nguyễn Diệu D**, sinh năm 1995 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Xóm Khoang, xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Đinh Thị Trang trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Diệu D có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường nảy sinh cãi vã xung đột, anh D nghiện ma túy không tu chí làm ăn, đã được gia đình cho đi cai nghiện nhiều lần nhưng không từ bỏ được. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2019 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị T làm đơn xin ly hôn anh D.

Về con chung: Chị Đinh Thị T xác nhận chị và anh Nguyễn Diệu D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 09/10/2014. Hiện nay cháu Q đang ở cùng chị T. Nay ly hôn chị T xin được nuôi con, chị T tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Chị Đinh Thị T khẳng định anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn, anh Nguyễn Diệu D trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh D đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng việc lấy lời khai của mẹ đẻ anh D. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2020 mẹ đẻ anh D là bà Đinh Thị H khai như sau: Anh Nguyễn Diệu D, sinh năm 1995 có đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại xóm Khoang, xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Năm 2014 anh D có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với chị Đinh Thị T tại UBND xã Hương Cần. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống nhưng không hạnh phúc nguyên nhân là do anh D mắc nghiện ma túy không tu chí làm ăn, gia đình đã cho đi cai nghiện nhưng vẫn không thay đổi được. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ được một thời gian, hiện vợ chồng đang ly thân không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Anh D có nhận được giấy báo của Tòa án, biết việc Tòa án đến làm việc nhưng anh D trốn tránh không chịu gặp ai, sáng ngày 22/4/2020 anh D vẫn có mặt ở nhà. Qua nói chuyện thì bà H được biết, quan điểm của anh D là nhất trí ly hôn.

Anh D và chị Trang có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 09/10/2014, hiện đang ở cùng chị T. Nếu ly hôn quan điểm của gia đình là nhất trí giao cháu Q cho chị Trang tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh D và chị T không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị Trang được ly hôn anh D. Về con chung: Giao cho chị T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 09/10/2014 đến khi con chung thành niên. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu. Anh D và chị T không có tài san chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đinh Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Nguyễn Diệu D, đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn – anh Nguyễn Diệu D có địa chỉ tại Xóm Khoang, xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh D được Tòa án tống đạt giấy báo hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả chị T và anh D là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Diệu D có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Căn cứ vào lời khai của chị T, lời khai của mẹ đẻ anh D là bà Đinh Thị H và biên bản xác minh của trưởng khu hành chính khu Khoang, xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn là ông Đinh Ngọc H, xác định sau khi kết hôn chị T và anh D chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do anh D sử dụng và nghiện ma túy, gia đình đã nhiều lần cho đi cai nghiện nhưng vẫn không thay đổi được, anh D không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xóm Đành, xã Yên Lãng sinh sống được một thời gian dài đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay chị T khẳng định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên kiên quyết xin ly hôn. Về phía bị đơn anh Nguyễn Diệu D quá trình Tòa án giải quyết vụ án có biết việc Tòa án thụ lý vụ án, biết việc Tòa án đến làm việc nhưng anh D không đến Tòa án, cũng không gặp gỡ tiếp xúc với cán bộ Tòa án để giải quyết vụ án. Theo như lời khai của bà H là mẹ anh D có trình bày: Quan điểm của anh D là nhất trí ly hôn. Anh D và chị Trang có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 09/10/2014, hiện đang ở cùng chị T. Nếu ly hôn quan điểm của gia đình là nhất trí giao cháu Q cho chị Trang tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh D và chị T không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì.

Như vậy có thể thấy thực tế đời sống chung vợ chồng giữa chị T và anh D thực tế không tồn tại, mâu thuẫn không có khả năng khắc phục, anh D cố tình trốn tránh không đến tòa án làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm gì

có thể thấy anh D không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xử cho chị T được ly hôn anh D là phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Diệu D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 09/10/2014, hiện đang ở cùng chị T. Nay ly hôn chị Trang xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Gia đình anh D cũng nhất trí giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy HĐXX thấy rằng cần giao con chung là cháu Q cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung; nợ chung; tư trang riêng và công sức đóng góp: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Diệu D đều không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị T phải nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Diệu D.

2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 09/10/2014 đến khi cháu Q thành niên. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0002036 ngày 24/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Nay chuyển thành án phí.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở UBND xã nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự.*
- *VKSND huyện.*
- *Cơ quan THADS huyện.*
- *UBND xã Hương Cần*
- *Lưu VT, Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Thị Duyên Hòa